

**THÔNG BÁO**  
**Công khai thông tin chất lượng giáo dục tiểu học thực tế cuối năm**  
**Năm học 2023-2024**

|                                                 | Tổng số    | Chia ra   |           |           |           |           |
|-------------------------------------------------|------------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|
|                                                 |            | Lớp 1     | Lớp 2     | Lớp 3     | Lớp 4     | Lớp 5     |
| <b>I. Tổng số HS xếp loại cuối năm</b>          | <b>349</b> | <b>60</b> | <b>60</b> | <b>76</b> | <b>75</b> | <b>78</b> |
| Chia ra: - Hoàn thành chương trình lớp học      | <b>348</b> | 59        | 60        | 76        | 75        | 78        |
| - Chưa hoàn thành chương trình lớp học          | <b>1</b>   | 1         | 0         | 0         | 0         | 0         |
| Khen thưởng                                     | <b>162</b> | <b>30</b> | <b>27</b> | <b>33</b> | <b>33</b> | <b>39</b> |
| <b>II. Tổng số HS xếp loại môn học</b>          |            |           |           |           |           |           |
| <b>1. Toán (Lớp 1,2,3,4,5)</b>                  | <b>349</b> | <b>60</b> | <b>60</b> | <b>76</b> | <b>75</b> | <b>78</b> |
| Chia ra: - Hoàn thành tốt                       | <b>253</b> | 50        | 45        | 60        | 62        | 36        |
| - Hoàn thành                                    | <b>96</b>  | 10        | 15        | 16        | 13        | 42        |
| - Chưa hoàn thành                               | <b>0</b>   | 0         | 0         | 0         | 0         | 0         |
| <b>2. Tiếng Việt (Lớp 1,2,3,4,5)</b>            | <b>349</b> | <b>60</b> | <b>60</b> | <b>76</b> | <b>75</b> | <b>78</b> |
| Chia ra: - Hoàn thành tốt                       | <b>241</b> | 50        | 43        | 62        | 57        | 29        |
| - Hoàn thành                                    | <b>107</b> | 9         | 17        | 14        | 18        | 49        |
| - Chưa hoàn thành                               | <b>1</b>   | 1         | 0         | 0         | 0         | 0         |
| <b>3. Khoa học (Lớp 4,5)</b>                    | <b>153</b> |           |           |           | <b>75</b> | <b>78</b> |
| Chia ra: - Hoàn thành tốt                       | <b>122</b> |           |           |           | 69        | 53        |
| - Hoàn thành                                    | <b>31</b>  |           |           |           | 6         | 25        |
| - Chưa hoàn thành                               | <b>0</b>   |           |           |           | 0         | 0         |
| <b>4. Lịch sử &amp; Địa lý (Lớp 4,5)</b>        | <b>153</b> |           |           |           | <b>75</b> | <b>78</b> |
| Chia ra: - Hoàn thành tốt                       | <b>113</b> |           |           |           | 69        | 44        |
| - Hoàn thành                                    | <b>40</b>  |           |           |           | 6         | 34        |
| - Chưa hoàn thành                               | <b>0</b>   |           |           |           | 0         | 0         |
| <b>5. Ngoại ngữ (Tiếng anh) (Lớp 1,2,3,4,5)</b> | <b>349</b> | <b>60</b> | <b>60</b> | <b>76</b> | <b>75</b> | <b>78</b> |
| Chia ra: - Hoàn thành tốt                       | <b>234</b> | 49        | 48        | 50        | 62        | 25        |
| - Hoàn thành                                    | <b>115</b> | 11        | 12        | 26        | 13        | 53        |
| - Chưa hoàn thành                               | <b>0</b>   | 0         | 0         | 0         | 0         | 0         |
| <b>6. Đạo đức (Lớp 1,2,3,4,5)</b>               | <b>349</b> | <b>60</b> | <b>60</b> | <b>76</b> | <b>75</b> | <b>78</b> |
| Chia ra: - Hoàn thành tốt                       | <b>251</b> | 48        | 41        | 52        | 52        | 58        |
| - Hoàn thành                                    | <b>98</b>  | 12        | 19        | 24        | 23        | 20        |
| - Chưa hoàn thành                               | <b>0</b>   | 0         | 0         | 0         | 0         | 0         |
| <b>7. Tự nhiên và Xã hội (Lớp 1,2,3)</b>        | <b>196</b> | <b>60</b> | <b>60</b> | <b>76</b> |           |           |
| Chia ra: - Hoàn thành tốt                       | <b>137</b> | 42        | 43        | 52        |           |           |
| - Hoàn thành                                    | <b>61</b>  | 18        | 17        | 24        |           |           |
| - Chưa hoàn thành                               | <b>0</b>   | 0         | 0         | 0         |           |           |
| <b>8. Hoạt động trải nghiệm (Lớp 1,2,3,4)</b>   | <b>271</b> | <b>60</b> | <b>60</b> | <b>76</b> | <b>75</b> |           |
| Chia ra: - Hoàn thành tốt                       | <b>211</b> | 49        | 46        | 55        | 61        |           |

|                                                       |            |           |           |           |           |           |
|-------------------------------------------------------|------------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|
| - Hoàn thành                                          | 60         | 11        | 14        | 21        | 14        |           |
| - Chưa hoàn thành                                     | 0          | 0         | 0         | 0         | 0         |           |
| <b>9. NT (Âm nhạc 1,2,3, 4); Âm nhạc (5)</b>          | <b>349</b> | <b>60</b> | <b>60</b> | <b>76</b> | <b>75</b> | <b>78</b> |
| Chia ra: - Hoàn thành tốt                             | 215        | 41        | 39        | 49        | 43        | 43        |
| - Hoàn thành                                          | 134        | 19        | 21        | 27        | 32        | 35        |
| - Chưa hoàn thành                                     | 0          | 0         | 0         | 0         | 0         | 0         |
| <b>10. NT (Mĩ thuật 1,2,3,4); Mĩ thuật (5)</b>        | <b>349</b> | <b>60</b> | <b>60</b> | <b>76</b> | <b>75</b> | <b>78</b> |
| Chia ra: - Hoàn thành tốt                             | 256        | 44        | 46        | 56        | 55        | 55        |
| - Hoàn thành                                          | 93         | 16        | 14        | 20        | 20        | 23        |
| - Chưa hoàn thành                                     | 0          | 0         | 0         | 0         | 0         | 0         |
| <b>11. Kỹ thuật (Lớp 5)</b>                           | <b>78</b>  |           |           |           |           | <b>78</b> |
| Chia ra: - Hoàn thành tốt                             | 50         |           |           |           |           | 50        |
| - Hoàn thành                                          | 28         |           |           |           |           | 28        |
| - Chưa hoàn thành                                     | 0          |           |           |           |           | 0         |
| <b>12. GDTC (1,2,3, 4); Thể dục (5)</b>               | <b>349</b> | <b>60</b> | <b>60</b> | <b>76</b> | <b>75</b> | <b>78</b> |
| Chia ra: - Hoàn thành tốt                             | 267        | 48        | 47        | 54        | 59        | 59        |
| - Hoàn thành                                          | 82         | 12        | 13        | 22        | 16        | 19        |
| - Chưa hoàn thành                                     | 0          | 0         | 0         | 0         | 0         | 0         |
| <b>13. Tin học và Công nghệ (Công nghệ) (1,2,3,4)</b> | <b>151</b> |           |           | <b>76</b> | <b>75</b> |           |
| Chia ra: - Hoàn thành tốt                             | 122        |           |           | 50        | 72        |           |
| - Hoàn thành                                          | 29         |           |           | 26        | 3         |           |
| - Chưa hoàn thành                                     | 0          |           |           | 0         | 0         |           |
| <b>14. Tin học và Công nghệ (Tin học) (1,2,3,4)</b>   | <b>151</b> |           |           | <b>76</b> | <b>75</b> |           |
| Chia ra: - Hoàn thành tốt                             | 125        |           |           | 59        | 66        |           |
| - Hoàn thành                                          | 26         |           |           | 17        | 9         |           |
| - Chưa hoàn thành                                     | 0          |           |           | 0         | 0         |           |
| <b>III. Về năng lực</b>                               |            |           |           |           |           |           |
| <b>A. Lớp 1,2,3,4 (Năng lực cốt lõi)</b>              | <b>271</b> | <b>60</b> | <b>60</b> | <b>76</b> | <b>75</b> |           |
| <b>* Năng lực chung</b>                               | <b>271</b> | <b>60</b> | <b>60</b> | <b>76</b> | <b>75</b> |           |
| <b>1. Tự chủ và tự học</b>                            | <b>271</b> | <b>60</b> | <b>60</b> | <b>76</b> | <b>75</b> |           |
| Chia ra: - Tốt                                        | 187        | 49        | 33        | 46        | 59        |           |
| - Đạt                                                 | 83         | 10        | 27        | 30        | 16        |           |
| - Cần cố gắng                                         | 1          | 1         | 0         | 0         | 0         |           |
| <b>2. Giao tiếp và hợp tác</b>                        | <b>271</b> | <b>60</b> | <b>60</b> | <b>76</b> | <b>75</b> |           |
| Chia ra: - Tốt                                        | 191        | 53        | 31        | 48        | 59        |           |
| - Đạt                                                 | 79         | 6         | 29        | 28        | 16        |           |
| - Cần cố gắng                                         | 1          | 1         | 0         | 0         | 0         |           |
| <b>3. Giải quyết vấn đề và sáng tạo</b>               | <b>271</b> | <b>60</b> | <b>60</b> | <b>76</b> | <b>75</b> |           |
| Chia ra: - Tốt                                        | 125        | 30        | 27        | 33        | 35        |           |
| - Đạt                                                 | 145        | 29        | 33        | 43        | 40        |           |
| - Cần cố gắng                                         | 1          | 1         | 0         | 0         | 0         |           |
| <b>* Năng lực đặc thù</b>                             | <b>271</b> | <b>60</b> | <b>60</b> | <b>76</b> | <b>75</b> |           |
| <b>1. Ngôn ngữ</b>                                    | <b>271</b> | <b>60</b> | <b>60</b> | <b>76</b> | <b>75</b> |           |
| Chia ra: - Tốt                                        | 200        | 47        | 42        | 62        | 49        |           |

|                     |            |           |           |           |           |  |
|---------------------|------------|-----------|-----------|-----------|-----------|--|
| - Đạt               | 70         | 12        | 18        | 14        | 26        |  |
| - Cần cố gắng       | 1          | 1         | 0         | 0         | 0         |  |
| <b>2. Tính toán</b> | <b>271</b> | <b>60</b> | <b>60</b> | <b>76</b> | 75        |  |
| Chia ra: - Tốt      | 215        | 49        | 44        | 60        | 62        |  |
| - Đạt               | 56         | 11        | 16        | 16        | 13        |  |
| - Cần cố gắng       | 0          | 0         | 0         | 0         | 0         |  |
| <b>3. Khoa học</b>  | <b>271</b> | <b>60</b> | <b>60</b> | <b>76</b> | <b>75</b> |  |
| Chia ra: - Tốt      | 207        | 42        | 43        | 51        | 69        |  |
| - Đạt               | 64         | 17        | 17        | 25        | 6         |  |
| - Cần cố gắng       | 0          | 1         | 0         | 0         | 0         |  |
| <b>4. Công nghệ</b> | <b>151</b> | <b>0</b>  | <b>0</b>  | <b>76</b> | 75        |  |
| Chia ra: - Tốt      | 122        | 0         | 0         | 50        | 72        |  |
| - Đạt               | 29         | 0         | 0         | 26        | 3         |  |
| - Cần cố gắng       | 0          | 0         | 0         | 0         | 0         |  |
| <b>5. Tin học</b>   | <b>151</b> | <b>0</b>  | <b>0</b>  | <b>76</b> | <b>75</b> |  |
| Chia ra: - Tốt      | 124        | 0         | 0         | 59        | 65        |  |
| - Đạt               | 27         | 0         | 0         | 17        | 10        |  |
| - Cần cố gắng       | 0          | 0         | 0         | 0         | 0         |  |
| <b>6. Thẩm mỹ</b>   | <b>271</b> | <b>60</b> | <b>60</b> | <b>76</b> | <b>75</b> |  |
| Chia ra: - Tốt      | 201        | 45        | 45        | 56        | 55        |  |
| - Đạt               | 70         | 15        | 15        | 20        | 20        |  |
| - Cần cố gắng       | 0          | 0         | 0         | 0         | 0         |  |
| <b>7. Thể chất</b>  | <b>271</b> | <b>60</b> | <b>60</b> | <b>76</b> | <b>75</b> |  |
| Chia ra: - Tốt      | 203        | 44        | 46        | 53        | 60        |  |
| - Đạt               | 68         | 16        | 14        | 23        | 15        |  |
| - Cần cố gắng       | 0          | 0         | 0         | 0         | 0         |  |

#### **B. Lớp 5 (Năng lực)**

|                                    |           |  |  |  |  |           |
|------------------------------------|-----------|--|--|--|--|-----------|
| <b>1. Tự phục vụ</b>               | <b>78</b> |  |  |  |  | <b>78</b> |
| Chia ra: - Tốt                     | 38        |  |  |  |  | 38        |
| - Đạt                              | 40        |  |  |  |  | 40        |
| - Cần cố gắng                      | 0         |  |  |  |  | 0         |
| <b>2. Hợp tác</b>                  | <b>78</b> |  |  |  |  | <b>78</b> |
| Chia ra: - Tốt                     | 40        |  |  |  |  | 40        |
| - Đạt                              | 38        |  |  |  |  | 38        |
| - Cần cố gắng                      | 0         |  |  |  |  | 0         |
| <b>3. Tự học giải quyết vấn đề</b> | <b>78</b> |  |  |  |  | <b>78</b> |
| Chia ra: - Tốt                     | 20        |  |  |  |  | 20        |
| - Đạt                              | 58        |  |  |  |  | 58        |
| - Cần cố gắng                      | 0         |  |  |  |  | 0         |

#### **IV. Về phẩm chất**

##### **A. Lớp 1,2,3,4 (Phẩm chất chủ yếu)**

|                    |            |           |           |           |           |  |
|--------------------|------------|-----------|-----------|-----------|-----------|--|
| <b>1. Yêu nước</b> | <b>271</b> | <b>60</b> | <b>60</b> | <b>76</b> | <b>75</b> |  |
| Chia ra: - Tốt     | 263        | 60        | 60        | 76        | 67        |  |
| - Đạt              | 8          | 0         | 0         | 0         | 8         |  |
| - Cần cố gắng      | 0          | 0         | 0         | 0         | 0         |  |
| <b>2. Nhân ái</b>  | <b>271</b> | <b>60</b> | <b>60</b> | <b>76</b> | <b>75</b> |  |
| Chia ra: - Tốt     | 241        | 60        | 60        | 57        | 64        |  |

|                                          |            |           |           |           |           |           |
|------------------------------------------|------------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|
| - Đạt                                    | 30         | 0         | 0         | 19        | 11        |           |
| - Cần cố gắng                            | 0          | 0         | 0         | 0         | 0         |           |
| <b>3. Chăm chỉ</b>                       | <b>271</b> | <b>60</b> | <b>60</b> | <b>76</b> | <b>75</b> |           |
| Chia ra: - Tốt                           | 138        | 33        | 31        | 33        | 41        |           |
| - Đạt                                    | 132        | 26        | 29        | 43        | 34        |           |
| - Cần cố gắng                            | 1          | 1         | 0         | 0         | 0         |           |
| <b>4. Trung thực</b>                     | <b>271</b> | <b>60</b> | <b>60</b> | <b>76</b> | <b>75</b> |           |
| Chia ra: - Tốt                           | 240        | 60        | 60        | 57        | 63        |           |
| - Đạt                                    | 31         | 0         | 0         | 19        | 12        |           |
| - Cần cố gắng                            | 0          | 0         | 0         | 0         | 0         |           |
| <b>5. Trách nhiệm</b>                    | <b>271</b> | <b>60</b> | <b>60</b> | <b>76</b> | <b>75</b> |           |
| Chia ra: - Tốt                           | 206        | 53        | 38        | 57        | 58        |           |
| - Đạt                                    | 65         | 7         | 22        | 19        | 17        |           |
| - Cần cố gắng                            | 0          | 0         | 0         | 0         | 0         |           |
| <b>B. Lớp 5 (Phẩm chất)</b>              |            |           |           |           |           |           |
| <b>1. Chăm học chăm làm</b>              | <b>78</b>  |           |           |           |           | <b>78</b> |
| Chia ra: - Tốt                           | 24         |           |           |           |           | 24        |
| - Đạt                                    | 54         |           |           |           |           | 54        |
| - Cần cố gắng                            | 0          |           |           |           |           | 0         |
| <b>2. Tự tin trách nhiệm</b>             | <b>78</b>  |           |           |           |           | <b>78</b> |
| Chia ra: - Tốt                           | 46         |           |           |           |           | 46        |
| - Đạt                                    | 32         |           |           |           |           | 32        |
| - Cần cố gắng                            | 0          |           |           |           |           | 0         |
| <b>3. Trung thực kỷ luật</b>             | <b>78</b>  |           |           |           |           | <b>78</b> |
| Chia ra: - Tốt                           | 50         |           |           |           |           | 50        |
| - Đạt                                    | 28         |           |           |           |           | 28        |
| - Cần cố gắng                            | 0          |           |           |           |           | 0         |
| <b>4. Đoàn kết yêu thương</b>            | <b>78</b>  |           |           |           |           | <b>78</b> |
| Chia ra: - Tốt                           | 66         |           |           |           |           | 66        |
| - Đạt                                    | 12         |           |           |           |           | 12        |
| - Cần cố gắng                            | 0          |           |           |           |           | 0         |
| <b>V. Khen thưởng</b>                    | <b>349</b> | <b>60</b> | <b>60</b> | <b>76</b> | <b>75</b> | <b>78</b> |
| - Giấy khen cấp trường                   | 162        | 30        | 27        | 33        | 33        | 39        |
| - Giấy khen cấp trên                     | 30         | 0         | 1         | 7         | 7         | 15        |
| + Giải chữ đẹp cấp thành phố             | 4          |           | 1         | 1         | 1         | 1         |
| + Giải TDTT cấp thành phố, Tỉnh          | 6          |           |           |           |           | 6         |
| + Giải Tiếng Anh IEO cấp thành phố       | 6          |           |           | 2         | 2         | 2         |
| + Giải Tiếng Anh IEO cấp tỉnh            | 1          |           |           |           |           | 1         |
| + Giải EDUPIA cấp thành phố              | 9          |           |           | 3         | 3         | 3         |
| + Giải EDUPIA cấp tỉnh                   | 4          |           |           | 1         | 1         | 2         |
| <b>VI. HSDT được trợ giảng</b>           |            |           |           |           |           |           |
| <b>VII. HS.K.Tật</b>                     | <b>13</b>  | <b>3</b>  | <b>0</b>  | <b>3</b>  | <b>4</b>  | <b>3</b>  |
| <b>VIII. HS bỏ học kỳ II</b>             | <b>0</b>   |           |           |           |           |           |
| + Có hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn |            |           |           |           |           |           |
| + Xa trường, đi lại khó khăn             |            |           |           |           |           |           |
| + Ảnh hưởng thiên tai, dịch bệnh         |            |           |           |           |           |           |
| + Học lực yếu kém                        |            |           |           |           |           |           |
| + Nguyên nhân khác                       |            |           |           |           |           |           |

|                                 |            |           |           |           |           |           |
|---------------------------------|------------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|
| + Bệnh, không đủ sức khỏe       |            |           |           |           |           |           |
| + Mất tích, đã mất.             |            |           |           |           |           |           |
| + Rút hồ sơ                     |            |           |           |           |           |           |
| + Du học                        |            |           |           |           |           |           |
| + Định cư nước ngoài            |            |           |           |           |           |           |
| + Bị đuổi học                   |            |           |           |           |           |           |
| + Bảo lưu kết quả               |            |           |           |           |           |           |
| + Chuyển sang học nghề          |            |           |           |           |           |           |
| + Do kỳ thi                     |            |           |           |           |           |           |
| <b>IX. Chương trình lớp học</b> | <b>349</b> | <b>60</b> | <b>60</b> | <b>76</b> | <b>75</b> | <b>78</b> |
| Hoàn thành                      | <b>348</b> | 59        | 60        | 76        | 75        | 78        |
| Chưa hoàn thành                 | <b>1</b>   | 1         | 0         | 0         | 0         | 0         |
| <b>X. Kết quả giáo dục</b>      | <b>349</b> | <b>60</b> | <b>60</b> | <b>76</b> | <b>75</b> | <b>78</b> |
| Hoàn thành xuất sắc             | <b>78</b>  | 23        | 18        | 18        | 19        | 0         |
| Hoàn thành tốt                  | <b>78</b>  | 7         | 9         | 15        | 14        | 33        |
| Hoàn thành                      | <b>192</b> | 29        | 33        | 43        | 42        | 45        |
| Chưa hoàn thành                 | <b>1</b>   | 1         | 0         | 0         | 0         | 0         |

Uông Bí, ngày 24 tháng 5 năm 2024

**HIỆU TRƯỞNG**



**Dương Thị Hồng Luyện**